

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-402 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000001	35181020205	Đặng Công Xuân An	16/12/1990	LT23.1AD002				
2	000002	35171020174	Nguyễn Thúy An	24/03/1988	LT22AD002				
3	000003	35191025492	Nguyễn Văn An	21/12/1998	LT24.2FT03				
4	000004	35171021945	Phạm Thị Thúy An	18/08/1994	LT22AD003				
5	000005	35191025501	Phạm Thị Trường An	12/11/1992	LT24.2KN01				
6	000006	35181020732	Võ Nguyễn Thúy An	07/04/1996	LT23.1KN004				
7	000007	35191020036	Võ Thị Thanh An	30/09/1997	LT24.1FT01				
8	000008	35191020062	Dương Nguyễn Thị Thu Anh	11/07/1996	LT24.1FT01				
9	000009	35171021888	Đặng Tú Anh	26/04/1991	LT22NH002				
10	000010	35191025175	Đỗ Hoàng Phương Anh	09/10/1998	LT24.2KN01				
11	000011	35181025615	Hoàng Nhật Anh	31/08/1986	LT23.2KN001				
12	000012	35181025499	Huỳnh Trần Trâm Anh	02/01/1996	LT23.2KN001				
13	000013	35191020235	Lê Thân Kỳ Anh	31/10/1993	LT24.1KN01				
14	000014	35181020606	Lê Thị Kim Anh	10/09/1996	LT23.1KN001				
15	000015	35181020700	Lê Thị Ngọc Anh	25/08/1993	LT23.1KN002				
16	000016	35181025513	Lê Việt Anh	01/04/1995	LT23.2FT001				
17	000017	35201020603	Nguyễn Ngọc Quế Anh	06/05/1998	LT25.1AD01				
18	000018	35181020601	Nguyễn Thị Thục Anh	26/05/1982	LT23.1KN002				
19	000019	35191020151	Phan Thị Lan Anh	22/11/1997	LT24.1KN01				
20	000020	35191022002	Trần Thị Ngọc Anh	13/03/1997	LT24.2KN01				
21	000021	35181020904	Trịnh Thị Quỳnh Anh	28/07/1993	LT23.1FN001				
22	000022	35181020784	Phạm Thị Ngọc Ái	27/06/1991	LT23.1KN003				
23	000023	35171020666	Lê Thị Ngọc Ánh	22/11/1994	LT22NH002				
24	000024	35181020484	Hồ Vũ Đình Ân	16/12/1994	LT23.1KN002				
25	000025	35191020413	Võ Tri Ân	09/03/1993	LT24.1AD01				
26	000026	35181025328	Hoàng Văn Ba	29/03/1990	LT23.2FN001				
27	000027	35181025096	Phan Mạnh Bảo	07/01/1996	LT23.2FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-402 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000028	35181021118	Chung Thanh Bình	26/04/1989	LT23.1KN003				
29	000029	35181020184	Trương Thái Bình	26/02/1996	LT23.1AD005				
30	000030	35181025010	Phạm Thị Ngọc Bích	19/07/1996	LT23.2AD001				
31	000031	35171021895	Thái Thị Kim Bích	28/08/1994	LT22FT003				
32	000032	35191020414	Vi Thị Bích	23/04/1987	LT24.1FT01				
33	000033	35171020180	Võ Thị Kim Bích	09/12/1994	LT22AD003				
34	000034	35191022014	Lê Hồng Cẩm	21/11/1998	LT24.2KN01				
35	000035	35191022025	Đàng thị Châu	20/10/1997	LT24.2KN01				
36	000036	35171020023	Huỳnh Thị Mỹ Châu	26/04/1991	LT22AD002				
37	000037	35191020526	Nguyễn Thị Diễm Châu	25/01/1996	LT24.1FT01				
38	000038	35191020444	Lê Thị Kim Chi	14/08/1990	LT24.1FT01				
39	000039	35181025062	Lê Thị Yến Chi	24/01/1996	LT23.2AD001				
40	000040	35191020361	Nguyễn Kim Chi	10/12/1996	LT24.1FT01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-403 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000041	35181025140	Nguyễn Thị Khánh	Chi	28/11/1994	LT23.2KN002				
2	000042	35181025482	Lê	Chon	05/03/1993	LT23.2AD001				
3	000043	35191025291	Trần Thị	Chung	01/01/1985	LT24.2KN02				
4	000044	35191020254	Mai Thị Ngọc	Chương	26/04/1996	LT24.1FT01				
5	000045	35171021312	Nguyễn Thị Kim	Cúc	02/05/1995	LT22KN005				
6	000046	35181020945	Lưu Văn	Cường	11/07/1992	LT23.1NH001				
7	000047	35181025079	Phùng Thế	Dân	01/11/1993	LT23.2FT001				
8	000048	35181021111	Nguyễn Huy	Dâng	12/03/1994	LT23.1AD003				
9	000049	35191020190	Đoàn Thị Thùy	Diễm	29/08/1997	LT24.1KN02				
10	000050	35201020064	Hồ Thị Thúy	Diễm	25/01/1993	LT25.1KN03				
11	000051	35181025454	Huỳnh Thị Thanh	Diễm	26/05/1995	LT23.2AD001				
12	000052	35171021846	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	08/01/1991	LT22KN001				
13	000053	35191020394	Phạm Thị Mỹ	Diễm	03/08/1996	LT24.1FT01				
14	000054	35181020655	Lê Thị Thu	Diệu	25/07/1991	LT23.1KN003				
15	000055	35181021164	Nguyễn Thị	Diệu	27/07/1993	LT23.1KN001				
16	000056	35181025105	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	10/03/1995	LT23.2FT001				
17	000057	35181020629	Nguyễn Xuân	Diệu	15/08/1995	LT23.1FT005				
18	000058	35181025040	Phan Mỹ	Diệu	10/04/1993	LT23.2AD001				
19	000059	35181021287	Trần Thị Thúy	Diệu	22/07/1990	LT23.1KN002				
20	000060	35191020431	Dương Mỹ	Duyên	11/03/1996	LT24.1AD01				
21	000061	35181025015	Vũ Ngọc	Dũng	20/05/1991	LT23.2AD001				
22	000062	35191020239	Bùi Ánh	Dương	29/08/1987	LT24.1KN01				
23	000063	35191020463	Huỳnh Thị Huỳnh	Dương	20/03/1997	LT24.1FT01				
24	000064	35181025319	Lê Thị Thùy	Dương	03/04/1990	LT23.2KN002				
25	000065	35181025465	Phan Quốc	Đạt	17/02/1997	LT23.2AD001				
26	000066	35181025323	Phạm Anh	Đạt	06/01/1997	LT23.2AD001				
27	000067	35191022053	Hoàng Công	Điền	11/01/1998	LT24.2KN01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-403 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000068	35191020209	Đỗ Thị Điệp	14/09/1997	LT24.1FT01				
29	000069	35181025595	Nguyễn Xuân Điệp	27/10/1996	LT23.2AD001				
30	000070	35181021259	Nguyễn Thị Hồng Gắm	29/07/1994	LT23.1AD005				
31	000071	35191020415	Lưu Thị Giang	24/01/1997	LT24.1FT01				
32	000072	35181020987	Nguyễn Thị Cẩm Giang	23/07/1992	LT23.1KN001				
33	000073	35171020200	Phạm Trần Anh Giang	02/01/1990	LT22AD003				
34	000074	35181025182	Hà Thị Ngọc Giàu	28/04/1995	LT23.2KN002				
35	000075	35181020781	Nguyễn Lê Ngọc Ngân Giàu	15/11/1995	LT23.1KN002				
36	000076	35181021268	Bùi Minh Hà	12/03/1996	LT23.1KN002				
37	000077	35191029002	Lê Thị Khánh Hà	17/02/1995	LT24.2KN01				
38	000078	35181020282	Nguyễn Thị Thanh Hà	14/08/1996	LT23.1FT003				
39	000079	35171021659	Phan Thị Thái Hà	20/12/1995	LT22KN006				
40	000080	35181025193	Phạm Thị Thu Hà	16/04/1991	LT23.2KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-404 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000081	35181025456	Trần Hồ Vũ Hà	29/10/1990	LT23.2KN001				
2	000082	35191020076	Lê Đình Hải	23/07/1993	LT24.1KN01				
3	000083	35171021738	Nguyễn Trí Hải	27/02/1993	LT22KN004				
4	000084	35181020992	Phạm Văn Hải	13/08/1992	LT23.1NH001				
5	000085	35181020534	Đào Thị Thu Hào	10/11/1993	LT23.1KN003				
6	000086	35181020156	Đỗ Thị Bích Hạnh	07/06/1995	LT23.1AD003				
7	000087	35171021446	Hoàng Thị Hạnh	14/02/1992	LT22KN002				
8	000088	35191020003	Nguyễn Phương Hồng Hạnh	24/04/1997	LT24.1KN01				
9	000089	35191020536	Trương Thị Hạnh	04/12/1994	LT24.1KN03				
10	000090	35191020047	Lê Thị Thúy Hằng	03/12/1995	LT24.1KN01				
11	000091	35171021349	Huỳnh Thị Vũ Hân	08/11/1989	LT22KN005				
12	000092	35191025091	Thái Thị Ngọc Hân	15/03/1998	LT24.2FT02				
13	000093	35191020005	Lương Thanh Hậu	08/12/1996	LT24.1KN01				
14	000094	35181021044	Phan Thị Hậu	27/10/1992	LT23.1FN001				
15	000095	35191025134	Lê Thị Thanh Hiền	09/12/1993	LT24.2KN03				
16	000096	35181025168	Nguyễn Thị Hiền	10/08/1992	LT23.2KN001				
17	000097	35191020522	Nguyễn Thị Hiền	24/04/1993	LT24.1KN03				
18	000098	35181020801	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/09/1995	LT23.1KN001				
19	000099	35181020906	Phan Thị Hiền	25/01/1996	LT23.1FN001				
20	000100	35181025207	Phạm Đỗ Thị Diệu Hiền	25/01/1990	LT23.2KN002				
21	000101	35181020185	Trần Thị Hiền	15/01/1996	LT23.1AD004				
22	000102	35191025489	Trần Thị Mỹ Hiền	04/12/1991	LT24.2KN01				
23	000103	35191020497	Trương Mỹ Hiền	09/08/1995	LT24.1AD01				
24	000104	35181025325	Văn Thị Bích Hiền	05/11/1992	LT23.2KN002				
25	000105	35191020322	Châu Trọng Hiếu	27/07/1997	LT24.1FT01				
26	000106	35191020390	Đoàn Thị Cao Hiếu	16/11/1992	LT24.1AD01				
27	000107	35171021315	Trần Ngọc Minh Hiếu	11/01/1995	LT22AD003				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-404 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000108	35191025034	Đàm Thị Hoa	20/05/1995	LT24.2KN01				
29	000109	35181020675	Nguyễn Thị Kim Hoa	24/10/1994	LT23.1KN001				
30	000110	35181020979	Trần Thị Hoa	02/09/1992	LT23.1KN004				
31	000111	35201020044	Lê Thị Minh Hoài	07/11/1998	LT25.1MR01				
32	000112	35171020726	Trần Nguyễn Phi Hoàng	01/01/1994	LT22NH001				
33	000113	35191020113	Võ Nguyễn Hoàng	01/06/1993	LT24.1AD01				
34	000114	35181020610	Huỳnh Khánh Hòa	17/08/1996	LT23.1KN001				
35	000115	35181025117	Phạm Thị Kim Hòa	12/11/1996	LT23.2FT001				
36	000116	35181021056	Lê Thị Kim Huệ	30/03/1993	LT23.1FN002				
37	000117	35181025333	Nguyễn Hồ Minh Huệ	02/02/1994	LT23.2FT001				
38	000118	35191020277	Huỳnh Thanh Huy	00/ /1990	LT24.1KN03				
39	000119	35181025462	Lâm Gia Huy	24/09/1995	LT23.2AD001				
40	000120	35181025587	Nguyễn Đức Huy	03/02/1995	LT23.2FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-405 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000121	35181020559	Nguyễn Phú Quang Huy	11/09/1996	LT23.1KN002				
2	000122	35181020662	Nguyễn Trần Đắc Huy	14/02/1995	LT23.1KN004				
3	000123	35191025439	Đỗ Thị Minh Huyền	08/01/1998	LT24.2KN02				
4	000124	35191020137	Nguyễn Ngọc Huyền	05/04/1997	LT24.1FT01				
5	000125	35191020221	Nguyễn Thị Thanh Huyền	11/03/1994	LT24.1AD01				
6	000126	35191025277	Nguyễn Thị Thu Huyền	26/10/1998	LT24.2KN01				
7	000127	35191020244	Trần Thị Diệu Huyền	16/11/1997	LT24.1FT01				
8	000128	35171020475	Phạm Ngọc Huỳnh	16/06/1993	LT22FT001				
9	000129	35191025341	Trần Thị Phương Huỳnh	25/06/1992	LT24.2FN01				
10	000130	35171020330	Lương Thanh Hùng	11/04/1995	LT22FT003				
11	000131	35181025027	Nguyễn Minh Hùng	30/04/1996	LT23.2AD001				
12	000132	35191020386	Nguyễn Văn Hùng	31/07/1997	LT24.1KN03				
13	000133	35181025600	Phan Trần Ngọc Hùng	15/05/1996	LT23.2FT001				
14	000134	35191025020	Võ Văn Hưng	04/08/1994	LT24.2KN01				
15	000135	35191020134	Hồ Thanh Hương	02/11/1997	LT24.1FT01				
16	000136	35191025144	Hồ Thị Thanh Hương	14/12/1996	LT24.2KN01				
17	000137	35171020748	Nguyễn Thị Lan Hương	18/11/1993	LT22NH002				
18	000138	35181020546	Trương Lan Hương	06/04/1994	LT23.1KN003				
19	000139	35181020648	Ứng Thị Mỹ Hương	11/02/1990	LT23.1KN003				
20	000140	35191025010	Trần Thị Hương	02/11/1997	LT24.2KN01				
21	000141	35181020140	Lương Thị Kim Hương	13/01/1995	LT23.1AD002				
22	000142	35181025594	Nguyễn Tiến Khang	30/03/1991	LT23.2AD001				
23	000143	35201020256	Lưu Thùy Phương Khanh	11/06/1998	LT25.1MR01				
24	000144	35181025298	Huỳnh Đức Khải	19/03/1992	LT23.2FN001				
25	000145	35181020828	Châu Thị Hồng Khánh	01/10/1994	LT23.1KN004				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-407 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000146	35181025428	Đỗ Huỳnh Minh	Khánh	25/07/1997	LT23.2KN002				
2	000147	35171020898	Phan Thị Bích	Khuyên	27/02/1993	LT22KN002				
3	000148	35191020171	Phạm Trần Như	Khuyên	27/01/1993	LT24.1FT01				
4	000149	35181025488	Nguyễn Hồ Thiên	Kiên	16/01/1997	LT23.2FT001				
5	000150	35191025378	Lê Thị	Kiều	11/03/1993	LT24.2KN03				
6	000151	35181021076	Lê Thị Thúy	Kiều	01/06/1993	LT23.1NH001				
7	000152	35171021323	Phan Thị Việt	Kiều	16/11/1992	LT22KN002				
8	000153	35181025071	Vũ Thị Diễm	Kiều	15/08/1995	LT23.2AD001				
9	000154	35191025161	Cao Trần Thiên	Kim	20/08/1993	LT24.2KN02				
10	000155	35171021262	Huỳnh Thiên	Kim	17/05/1994	LT22KN003				
11	000156	35191025018	Lê Thị	Lan	02/10/1990	LT24.2KN01				
12	000157	35181020783	Mai Hương	Lan	02/10/1996	LT23.1KN001				
13	000158	35181025394	Thiều Thị	Lan	12/02/1990	LT23.2AD001				
14	000159	35181020391	Võ Thị Phương	Lan	26/01/1996	LT23.1FT006				
15	000160	35191020187	Nguyễn Thị Thu	Lanh	07/08/1996	LT24.1KN01				
16	000161	35181025331	Nguyễn Thị Thu	Lài	04/05/1993	LT23.2KN002				
17	000162	35181025053	Đặng Hoàng	Lâm	01/01/1996	LT23.2AD001				
18	000163	35181025063	Trần Nguyễn Thanh	Lập	16/04/1992	LT23.2AD001				
19	000164	35191020485	Trần Thị Nhật	Lệ	14/02/1997	LT24.1FT01				
20	000165	35191020045	Phạm Thị Bích	Liên	14/11/1997	LT24.1FT01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-408 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000166	35181025118	Lê Thị Mỹ Liên	19/09/1990	LT23.2AD001				
2	000167	35171020884	Lý Thị Liên	24/12/1993	LT22NH001				
3	000168	35181021008	Tạ Thị Liên	14/07/1991	LT23.1KN003				
4	000169	35181025250	Trần Thị Hương Liên	18/11/1990	LT23.2FN001				
5	000170	35181021028	Đặng Thị Bé Liễu	10/02/1989	LT23.1KN001				
6	000171	35181025194	Bùi Chúc Linh	11/11/1996	LT23.2KN001				
7	000172	35181020836	Dương Phạm Mỹ Linh	27/07/1992	LT23.1KN004				
8	000173	35171021611	Đặng Thị Hoàng Linh	29/12/1994	LT22AD001				
9	000174	35191025252	Đình Thị Hoài Linh	03/05/1998	LT24.2KN02				
10	000175	35191020095	Nguyễn Thị Mỹ Linh	02/03/1997	LT24.1FT01				
11	000176	35191020174	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/07/1991	LT24.1KN03				
12	000177	35181020871	Nguyễn Từ Bảo Linh	04/03/1993	LT23.1FN001				
13	000178	35181021194	Nguyễn Yến Linh	13/06/1996	LT23.1FT004				
14	000179	35181020493	Phan Thị Mỹ Linh	18/07/1995	LT23.1KN001				
15	000180	35181025354	Trần Thị Linh	18/04/1997	LT23.2FT001				
16	000181	35191020112	Trần Thị Mai Linh	07/03/1996	LT24.1KN02				
17	000182	35181025201	Trần Thị Ngọc Linh	20/03/1994	LT23.2KN001				
18	000183	35181020996	Trần Thị Tuyết Linh	27/01/1996	LT23.1FN002				
19	000184	35191025286	Trần Yến Linh	05/06/1998	LT24.2FT03				
20	000185	35171021078	Bùi Thị Tuyết Loan	08/04/1990	LT22NH002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-409 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000186	35191020387	Nguyễn Thị Phương Loan	12/08/1996	LT24.1FT01				
2	000187	35181025181	Nguyễn Thị Thanh Loan	11/03/1996	LT23.2KN001				
3	000188	35171021871	Phùng Thị Kim Loan	26/02/1994	LT22FT003				
4	000189	35191025197	Phạm Phi Long	04/07/1997	LT24.2AD02				
5	000190	35181025054	Trịnh Thanh Long	16/04/1995	LT23.2AD001				
6	000191	35181021036	Mai Thị Luyến	21/07/1993	LT23.1FN002				
7	000192	35191020385	Trần Kim Luyến	08/10/1988	LT24.1KN01				
8	000193	35191020071	Nguyễn Thị Mỹ Lương	26/09/1996	LT24.1FT01				
9	000194	35181025314	Nguyễn Thị Lựu	26/12/1994	LT23.2FN001				
10	000195	35191025278	Lê Nguyễn Khánh Ly	25/02/1996	LT24.2FN01				
11	000196	35181025391	Nguyễn Đặng Khánh Ly	09/08/1997	LT23.2FN001				
12	000197	35181025142	Nguyễn Thị Mai Ly	07/07/1996	LT23.2FN001				
13	000198	35191020488	Nguyễn Thị Mai Ly	14/05/1995	LT24.1KN02				
14	000199	35171021008	Nguyễn Trần Thị Hải Ly	15/12/1993	LT22NH001				
15	000200	35191020501	Thân Thị Mỹ Ly	04/10/1997	LT24.1KN03				
16	000201	35191020393	Cao Thị Hồng Lý	15/02/1998	LT24.1KN02				
17	000202	35171020849	Hồ Thị Lý	06/04/1991	LT22FN002				
18	000203	35181025370	Trần Châu Thiên Lý	21/01/1997	LT23.2FN001				
19	000204	35181025133	Đặng Thị Trúc Mai	02/02/1993	LT23.2KN002				
20	000205	35191020141	Huỳnh Thị Mai	10/03/1991	LT24.1KN03				
21	000206	35191020504	Lê Thị Ngọc Mai	19/10/1997	LT24.1FT01				
22	000207	35181020651	Nguyễn Thị Thúy Mai	10/02/1993	LT23.1KN001				
23	000208	35181020742	Nguyễn Thị Tuyết Mai	29/06/1993	LT23.1KN002				
24	000209	35181025566	Nguyễn Thị Xuân Mai	05/09/1997	LT23.2FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-502 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000210	35191025116	Trần Thị Mai	24/08/1997	LT24.2KN02				
2	000211	35181020147	Nguyễn Trần Mẫn	13/11/1993	LT23.1AD004				
3	000212	35181025348	Nguyễn Thị Mến	15/10/1992	LT23.2KN001				
4	000213	35181020280	Lê Văn Minh	14/12/1988	LT23.1FT002				
5	000214	35181020527	Nguyễn Nữ Ánh Minh	20/01/1993	LT23.1KN004				
6	000215	35191020281	Nguyễn Thị Ngọc Minh	09/05/1992	LT24.1KN03				
7	000216	35191020505	Trương Thị Minh	12/04/1995	LT24.1FT01				
8	000217	35171020253	Trần Văn Bé Mười	09/09/1994	LT22FT001				
9	000218	35191020369	Ngô Lê Trà My	20/09/1996	LT24.1KN02				
10	000219	35191020399	Trịnh Hà Thị Diễm My	10/02/1993	LT24.1AD01				
11	000220	35181020980	Nguyễn Bá Nam	26/11/1990	LT23.1NH001				
12	000221	35181021362	Trần Phương Nam	16/02/1992	LT23.1AD003				
13	000222	35181020709	Nguyễn Thị Nga	24/11/1991	LT23.1KN002				
14	000223	35181025144	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/06/1992	LT23.2KN002				
15	000224	35181025075	Võ Thị Thu Nga	21/11/1993	LT23.2KN001				
16	000225	35181020555	Vũ Thị Quỳnh Nga	06/10/1994	LT23.1KN002				
17	000226	35181025084	Bùi Thị Kim Ngân	10/10/1997	LT23.2AD001				
18	000227	35191020176	Nguyễn Thái Ngân	20/12/1990	LT24.1AD01				
19	000228	35181025014	Nguyễn Thùy Thảo Ngân	12/04/1996	LT23.2AD001				
20	000229	35201020083	Phạm Thị Kim Ngân	26/01/1998	LT25.1MR01				
21	000230	35191025037	Phạm Thị Thanh Ngân	09/01/1998	LT24.2AD02				
22	000231	35191020061	Phạm Thị Tuyết Ngân	07/08/1992	LT24.1KN03				
23	000232	35191022013	Trần Thị Kim Ngân	20/08/1998	LT24.2KN01				
24	000233	35181025578	Dương Hồng Nghi	26/05/1993	LT23.2AD001				
25	000234	35171021356	Đỗ Thị Hồng Ngọc	01/10/1992	LT22KN001				
26	000235	35201020360	Hà Hồng Ngọc	04/09/1999	LT25.1KN01				
27	000236	35191020366	Hoàng Đức Ngọc	01/07/1980	LT24.1FT01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-502 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000237	35181020950	Huỳnh Hồng Diễm Ngọc	24/08/1994	LT23.1FN002				
29	000238	35171020109	Lê Hồng Ngọc	20/08/1993	LT22AD002				
30	000239	35181025480	Mai Nguyễn Hồng Ngọc	07/08/1997	LT23.2AD001				
31	000240	35181025581	Ngô Ngọc	19/07/1997	LT23.2AD001				
32	000241	35181021003	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/03/1995	LT23.2FN001				
33	000242	35181025174	Trần Thụy Bảo Ngọc	28/08/1992	LT23.2KN001				
34	000243	35171021570	Trương Khánh Ngọc	10/04/1978	LT22KN005				
35	000244	35181025507	Đình Thị Ánh Nguyệt	15/02/1994	LT23.2AD001				
36	000245	35181025097	Đỗ Kiều Nguyệt	17/06/1996	LT23.2FT001				
37	000246	35181025186	Tổng Thị Nguyệt	21/09/1992	LT23.2KN002				
38	000247	35191020042	Đặng Trần Thảo Nhân	18/04/1997	LT24.1FT01				
39	000248	35171021565	Nguyễn Cao Nhân	06/05/1988	LT22KN005				
40	000249	35181021158	Nguyễn Thành Nhân	20/08/1993	LT23.1FN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-504 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000250	35191020207	Nguyễn Văn Nhân	01/04/1994	LT24.1FT01				
2	000251	35171021109	Huỳnh Lê Hoài Nhi	27/12/1995	LT22KN001				
3	000252	35191025024	Lê Hồng Ý Nhi	22/09/1998	LT24.2FT01				
4	000253	35181025076	Lý Phu Nhi	18/05/1993	LT23.2AD001				
5	000254	35191020011	Phan Yến Nhi	27/11/1996	LT24.1KN01				
6	000255	35191020127	Phạm Thị Yến Nhi	24/07/1997	LT24.1KN01				
7	000256	35181025369	Thạch Yến Nhi	13/07/1997	LT23.2FN001				
8	000257	35191022050	Trần Tâm Nhi	10/11/1998	LT24.2KN01				
9	000258	35171021475	Trần Thị Kiều Nhi	20/10/1992	LT22KN006				
10	000259	35181020359	Trần Thị Lan Nhi	14/02/1995	LT23.1FT007				
11	000260	35171020646	Dương Văn Nhóm	26/11/1992	LT22NH002				
12	000261	35171021178	Lê Văn Nhớ	25/10/1992	LT22FN001				
13	000262	35191020243	Dương Thị Nhung	04/05/1997	LT24.1KN02				
14	000263	35191020503	Lê Thị Tuyết Nhung	09/08/1993	LT24.1KN02				
15	000264	35181020917	Lý Hồng Nhung	20/05/1994	LT23.1NH001				
16	000265	35181025547	Ngô Thị Nhung	08/03/1993	LT23.2FN001				
17	000266	35181020582	Nguyễn Thị Nhung	02/07/1991	LT23.1KN003				
18	000267	35191025367	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	05/05/1984	LT24.2KN01				
19	000268	35191020259	Phan Thị Hồng Nhung	02/06/1996	LT24.1FT01				
20	000269	35181021005	Trần Thị Bích Nhung	04/12/1990	LT23.1KN001				
21	000270	35191025245	Võ Lê Hoàng Nhung	05/12/1992	LT24.2KN02				
22	000271	35191020122	Võ Phạm Tuyết Nhung	25/02/1997	LT24.1FT01				
23	000272	35181020166	Võ Thị Hồng Nhung	29/06/1993	LT23.1AD003				
24	000273	35181025565	Lê Việt Như	10/10/1997	LT23.2FT001				
25	000274	35191020126	Nguyễn Lê Ngọc Như	16/09/1997	LT24.1KN01				
26	000275	35181020526	Nguyễn Phước Ý Như	14/07/1993	LT23.1KN004				
27	000276	35181021250	Nguyễn Thị Huỳnh Như	19/09/1990	LT23.1FT007				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-504 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000277	35191020500	Nguyễn Thị Huỳnh Như	23/05/1996	LT24.1FT01				
29	000278	35181020461	Nguyễn Thị Quỳnh Như	15/01/1996	LT23.1FT006				
30	000279	35181025487	Nguyễn Trương Ngọc Đan Như	09/08/1997	LT23.2FT001				
31	000280	35191022015	Trần Đỗ Yên Như	01/01/1998	LT24.2KN01				
32	000281	35191025306	Võ Thị Huỳnh Như	02/01/1998	LT24.2FT01				
33	000282	35181025131	Nguyễn Thị Minh Nhựt	02/10/1996	LT23.2KN002				
34	000283	35191020344	Trần Vũ Ngọc Ní	06/11/1997	LT24.1FT01				
35	000284	35181021115	Vũ Thị Nôn	09/10/1987	LT23.1FT006				
36	000285	35191025198	Nguyễn Thị Nụ	27/02/1991	LT24.2KN01				
37	000286	35181025317	Lã Hoàng Oanh	05/07/1992	LT23.2AD001				
38	000287	35181021159	Trần Thị Kim Oanh	26/09/1994	LT23.1AD001				
39	000288	35191020136	Nguyễn Trương Nhật Phát	02/07/1996	LT24.1KN01				
40	000289	35181025138	Lê Thị Ái Phi	12/09/1993	LT23.2KN001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-507 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000290	35191025051	Trần Hoài Phong	30/06/1992	LT24.2AD02				
2	000291	35191025120	Võ Minh Phú	31/05/1997	LT24.2AD02				
3	000292	35181020550	Đặng Quang Phúc	02/10/1993	LT23.1KN004				
4	000293	35191025321	Huỳnh Thị Như Phụng	13/03/1998	LT24.2FT01				
5	000294	35191020124	Phạm Thị Kim Phụng	23/11/1993	LT24.1KN01				
6	000295	35171020880	Hoàng Thị Nam Phương	25/01/1992	LT22NH001				
7	000296	35181025161	Lê Hồng Phương	17/12/1988	LT23.2KN002				
8	000297	35201020186	Lê Uyên Phương	16/10/1996	LT25.1MR01				
9	000298	35191025368	Nguyễn Trương Nam Phương	29/10/1997	LT24.2FT02				
10	000299	35191020527	Phạm Thị Tuyết Phương	13/10/1994	LT24.1FT01				
11	000300	35191022023	Trần Minh Phương	01/07/1998	LT24.2AD02				
12	000301	35191025315	Trần Thị Mỹ Phương	26/09/1991	LT24.2KN01				
13	000302	35171020679	Trần Thị Nhã Phương	05/11/1994	LT22FN002				
14	000303	35191020261	Võ Thị Mai Phương	28/01/1997	LT24.1FT01				
15	000304	35191025459	Đặng Võ Thu Phương	17/02/1989	LT24.2KN01				
16	000305	35181020442	Lưu Thị Hồng Phương	04/12/1994	LT23.1FN001				
17	000306	35181020037	Bùi Thị Quế	19/10/1995	LT23.1AD002				
18	000307	35191020524	Đỗ Thị Anh Quyên	10/02/1987	LT24.1KN02				
19	000308	35191025074	Lê Thị Thảo Quyên	30/06/1996	LT24.2AD02				
20	000309	35181025556	Nguyễn Ngọc Quyên	22/05/1991	LT23.2KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-508 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000310	35201020587	Phạm Lệ Quyên	10/08/1988	LT25.1KN01				
2	000311	35171020659	Phạm Thị Hồng Quyên	25/10/1992	LT22NH002				
3	000312	35181025044	Trần Ngọc Mỹ Quyên	20/06/1996	LT23.2AD001				
4	000313	35191025065	Trương Thị Bích Quyên	13/06/1996	LT24.2KN02				
5	000314	35181020975	Nguyễn Trung Quyên	29/03/1986	LT23.1AD004				
6	000315	35181021010	Lê Anh Quyết	01/04/1993	LT23.1NH001				
7	000316	35191020219	Lê Thị Như Quỳnh	21/06/1997	LT24.1KN01				
8	000317	35191020077	Phạm Diễm Quỳnh	19/12/1997	LT24.1AD01				
9	000318	35171021702	Trần Như Quỳnh	16/01/1993	LT22NH001				
10	000319	35181020080	Huỳnh Hữu Quý	30/08/1994	LT23.1AD002				
11	000320	35181020712	Nguyễn Thị Quý	06/12/1994	LT23.1KN002				
12	000321	35181025285	Triệu Ái San	06/06/1994	LT23.2KN001				
13	000322	35181025599	Nguyễn Thái Sơn	10/11/1997	LT23.2FT001				
14	000323	35191025419	Võ Phú Sơn	03/01/1998	LT24.2AD01				
15	000324	35181020078	Nguyễn Văn Suốt	06/06/1992	LT23.1AD001				
16	000325	35181021091	Bùi Hữu Tài	14/08/1996	LT23.1FT002				
17	000326	35181020130	Hồ Thanh Tài	10/08/1984	LT23.1AD001				
18	000327	35181021330	Ngô Thị Thanh Tâm	30/11/1987	LT23.1KN003				
19	000328	35191020532	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/10/1993	LT24.1FT01				
20	000329	35181020174	Hà Văn Tân	19/01/1993	LT23.1AD005				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-509 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000330	35181021018	Nguyễn Minh Tân	11/06/1993	LT23.1FN001				
2	000331	35181020905	Nguyễn Thành Tân	07/11/1989	LT23.1KN003				
3	000332	35171020658	Bùi Châu Thanh	27/04/1993	LT22FN002				
4	000333	35181020973	Đặng Thị Phương Thanh	25/01/1991	LT23.1FN001				
5	000334	35201020358	Lê Kim Thanh	09/11/1993	LT25.1AD02				
6	000335	35191020292	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	00/ /1995	LT24.1KN01				
7	000336	35181021364	Nguyễn Văn Thanh	10/09/1992	LT23.1FT005				
8	000337	35191020192	Trần Nguyễn Kim Thanh	10/10/1997	LT24.1KN02				
9	000338	35191025092	Trần Thị Thanh	16/11/1998	LT24.2FT02				
10	000339	35181020822	Văn Thị Thanh	02/05/1985	LT23.1KN003				
11	000340	35181025078	Huỳnh Tấn Thành	11/01/1996	LT23.2FT001				
12	000341	35181020228	Phạm Huỳnh Thành	30/03/1994	LT23.1AD002				
13	000342	35191020156	Đoàn Ngọc Xuân Thảo	08/04/1997	LT24.1FT01				
14	000343	35191020291	Đoàn Thị Thanh Thảo	01/01/1995	LT24.1KN01				
15	000344	35181020714	Nguyễn Lê Phương Thảo	18/08/1995	LT23.1KN004				
16	000345	35191022004	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	02/09/1998	LT24.2KN01				
17	000346	35181025052	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	05/03/1992	LT23.2FN001				
18	000347	35191020117	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/11/1995	LT24.1KN01				
19	000348	35201020386	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/04/1998	LT25.1AD02				
20	000349	35191025135	Phạm Thị Thu Thảo	20/04/1993	LT24.2KN03				
21	000350	35181020314	Phạm Hữu Thánh	17/02/1996	LT23.1FT001				
22	000351	35181020061	Phạm Duy Thạch	01/01/1993	LT23.1AD001				
23	000352	35191020433	Lê Tấn Thạnh	06/01/1995	LT24.1AD01				
24	000353	35191020132	Nguyễn Thị Hồng Thắm	11/12/1997	LT24.1AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-701 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000354	35171020950	Nguyễn Cao Thắng	16/05/1992	LT22KN002				
2	000355	35191025279	Đình Vũ Linh Thi	06/09/1996	LT24.2FN01				
3	000356	35181020611	Nguyễn Thị Ngọc Thi	30/04/1993	LT23.1KN003				
4	000357	35191020177	Nguyễn Thị Ngọc Thiện	02/12/1995	LT24.1KN02				
5	000358	35181025489	Nguyễn Thị Xuân Thịnh	01/01/1997	LT23.2KN001				
6	000359	35191025266	Phạm Đình Phúc Thịnh	26/10/1993	LT24.2AD02				
7	000360	35191025060	Phạm Trường Thịnh	11/01/1994	LT24.2FN02				
8	000361	35181025576	Vân Vĩnh Thịnh	23/06/1996	LT23.2KN001				
9	000362	35181025008	Nguyễn Thị Kim Thoa	02/02/1995	LT23.2AD001				
10	000363	35171021492	Nguyễn Đàm Thu Thoại	29/12/1986	LT22KN006				
11	000364	35171020846	Trần Quang Thoại	01/11/1994	LT22NH001				
12	000365	35181025183	Bùi Tư Thọ	01/01/1991	LT23.2KN002				
13	000366	35181025031	Huỳnh Thị Vĩnh Thơ	05/01/1995	LT23.2AD001				
14	000367	35181020999	Nguyễn Sĩ Thống	02/04/1994	LT23.1NH001				
15	000368	35181020824	Đoàn Thị Thu Thơm	20/10/1993	LT23.1KN004				
16	000369	35191020534	Phạm Đức Thuận	15/05/1991	LT24.1KN03				
17	000370	35171021781	Võ Hoàng Thuy	01/04/1993	LT22KN003				
18	000371	35191020283	Đình Thị Thuyền	15/11/1996	LT24.1KN02				
19	000372	35191020258	Lê Thị Minh Thùy	19/05/1996	LT24.1FT01				
20	000373	35181025068	Lê Thị Mộng Thùy	03/02/1996	LT23.2AD001				
21	000374	35201020513	Nguyễn Lê Thanh Thùy	26/09/1998	LT25.1AD01				
22	000375	35191025131	Bùi Thị Thanh Thủy	06/04/1997	LT24.2KN02				
23	000376	35171021685	Đặng Thị Thu Thủy	31/10/1992	LT22KN006				
24	000377	35171020183	Đỗ Thị Thu Thủy	09/07/1995	LT22AD003				
25	000378	35191020517	Hồ Lê Thanh Thủy	18/07/1994	LT24.1FT01				
26	000379	35181021133	Lã Thị Bích Thủy	11/04/1985	LT23.1KN001				
27	000380	35181021167	Nguyễn Thị Thủy	01/02/1991	LT23.1AD003				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-701 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000381	35181025160	Nguyễn Thị Thu	Thùy	03/02/1993	LT23.2KN001				
29	000382	35191020299	Tạ Thanh	Thùy	18/07/1996	LT24.1FT01				
30	000383	35181020721	Trương Thị Thanh	Thùy	30/09/1996	LT23.1KN002				
31	000384	35191020473	Lê Phương	Thúy	03/01/1982	LT24.1KN02				
32	000385	35181020600	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	10/03/1992	LT23.1KN003				
33	000386	35181020670	Nguyễn Thị Xuân	Thúy	26/01/1996	LT23.1KN003				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-702 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000387	35191020232	Trịnh Thu Thúy	25/05/1997	LT24.1KN02				
2	000388	35191020367	Phạm Thị Thanh Thư	27/11/1997	LT24.1KN01				
3	000389	35191022007	Trà Thị Minh Thư	12/04/1998	LT24.2KN01				
4	000390	35181025085	Vương Anh Thư	10/06/1990	LT23.2FT001				
5	000391	35191020181	Trần Thị Thương	27/10/1989	LT24.1KN02				
6	000392	35181020845	Nguyễn Thụy Diễm Thy	19/02/1990	LT23.1KN001				
7	000393	35181020553	Vũ Anh Thy	25/11/1993	LT23.1KN002				
8	000394	35201020390	Lê Nguyễn Mỹ Tiên	02/12/1998	LT25.1MR01				
9	000395	35161020218	Nguyễn Duy Tiên	02/09/1993	LT24.1AD01				
10	000396	35181025107	Nguyễn Thị Bích Tiên	14/06/1996	LT23.2FT001				
11	000397	35181020679	Nguyễn Thị Thủy Tiên	06/10/1996	LT23.1KN004				
12	000398	35191025246	Nguyễn Thị Thủy Tiên	15/07/1998	LT24.2FT03				
13	000399	35181020728	Nguyễn Thụy Thủy Tiên	12/02/1980	LT23.1KN001				
14	000400	35171021016	Trần Thị Cẩm Tiên	24/12/1995	LT22KN005				
15	000401	35191020033	Dương Nguyễn Bảo Tiên	23/02/1997	LT24.1FT01				
16	000402	35191020214	Đặng Ngọc Tiên	05/11/1997	LT24.1FT01				
17	000403	35181020604	Lý Kim Tiên	15/12/1995	LT23.1KN002				
18	000404	35181025334	Trần Thị Kim Tiên	01/01/1994	LT23.2FT001				
19	000405	35191020389	Nguyễn Thị Tình	20/02/1995	LT24.1KN01				
20	000406	35181020482	Bùi Thị Thu Trang	26/09/1986	LT23.1KN003				
21	000407	35181025515	Cao Thị Trang	15/03/1994	LT23.2KN001				
22	000408	35191020296	Dương Thị Thùy Trang	22/06/1991	LT24.1KN01				
23	000409	35181025095	Đặng Thị Trang	15/06/1996	LT23.2FT001				
24	000410	35191020383	Đinh Thị Mỹ Trang	24/12/1992	LT24.1KN02				
25	000411	35181020707	Huỳnh Thị Huyền Trang	06/10/1995	LT23.1KN003				
26	000412	35181020007	Nguyễn Kim Trang	15/11/1991	LT23.1AD005				
27	000413	35181020486	Nguyễn Thị Trang	05/08/1990	LT23.1KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-702 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000414	35191025405	Nguyễn Thị Trang	24/06/1987	LT24.2AD02				
29	000415	35191020203	Nguyễn Thị Diễm	05/01/1992	LT24.1KN01				
30	000416	35191020288	Nguyễn Thị Kiều	25/12/1995	LT24.1KN02				
31	000417	35191020157	Nguyễn Thị Mỹ	01/03/1989	LT24.1KN01				
32	000418	35191020188	Nguyễn Thị Quỳnh	02/01/1997	LT24.1FT01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-703 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000419	35201020616	Nguyễn Thị Thu Trang	09/02/1992	LT25.1FT02				
2	000420	35181025493	Phạm Thị Trang	19/02/1995	LT23.2FT001				
3	000421	35181020211	Phùng Thị Thu Trang	31/08/1995	LT23.1AD005				
4	000422	35181020819	Võ Thị Thanh Trang	18/03/1994	LT23.1KN001				
5	000423	35191020529	Vũ Thị Trang	17/09/1996	LT24.1AD01				
6	000424	35191020135	Trần Thị Trà	04/06/1996	LT24.1KN03				
7	000425	35181025408	Huỳnh Thị Mai Trâm	07/11/1997	LT23.2FT001				
8	000426	35181020419	Nguyễn Ngọc Trâm	27/02/1996	LT24.1FT01				
9	000427	35171021152	Nguyễn Thị Bích Trâm	15/03/1990	LT22KN004				
10	000428	35181020256	Nguyễn Thị Bích Trâm	26/09/1996	LT23.1FT006				
11	000429	35191020206	Nguyễn Thị Bích Trâm	10/02/1992	LT24.1KN02				
12	000430	35171020668	Phạm Thị Ngọc Trâm	08/04/1994	LT22NH002				
13	000431	35191025242	Trần Thị Ngọc Trâm	12/06/1995	LT24.2AD02				
14	000432	35181025419	Võ Huyền Bích Trâm	24/01/1997	LT23.2FT001				
15	000433	35191020022	Võ Thị Thúy Trâm	01/09/1997	LT24.1FT01				
16	000434	35171020944	Lê Hà Bảo Trâm	30/10/1993	LT22KN005				
17	000435	35191020072	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	19/08/1997	LT24.1KN01				
18	000436	35181025190	Phan Thị Ngọc Trâm	10/12/1996	LT23.2KN001				
19	000437	35191020158	Trần Thị Bảo Trâm	14/12/1996	LT24.1FT01				
20	000438	35181025278	Trần Ngọc Triều	26/05/1993	LT23.2FN001				
21	000439	35191020108	Châu Diệu Trinh	18/12/1997	LT24.1KN01				
22	000440	35191022024	Dương Thị Tú Trinh	15/05/1998	LT24.2KN01				
23	000441	35171021486	Đặng Thị Duy Trinh	17/05/1987	LT22KN004				
24	000442	35191025012	Ngô Thị Mai Trinh	06/11/1996	LT24.2KN01				
25	000443	35191020155	Nguyễn Thị Diễm Trinh	04/05/1989	LT24.1KN01				
26	000444	35191020057	Nguyễn Trịnh Quỳnh Trinh	27/12/1996	LT24.1FT01				
27	000445	35181025300	Trần Thị Ngọc Trinh	10/05/1997	LT23.2KN001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-703 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000446	35181020041	Trần Tố	Trinh	25/09/1995	LT23.1AD005				
29	000447	35181020365	Huỳnh Ngọc	Trí	04/09/1996	LT23.1FT001				
30	000448	35181020886	Trần Trọng	Trí	01/05/1993	LT23.1NH001				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-704 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000449	35181020885	Trần Bình Trọng	02/09/1987	LT23.1NH001				
2	000450	35181020416	Nguyễn Công Trung	27/11/1996	LT23.1FT005				
3	000451	35191025373	Dương Thanh Trúc	29/05/1998	LT24.2FT01				
4	000452	35191020484	Nguyễn Thị Hồng Trúc	16/08/1997	LT24.1FT01				
5	000453	35181025592	Thân Hà Vân Trúc	23/01/1997	LT23.2AD001				
6	000454	35181025126	Hoàng Minh Trường	04/02/1996	LT23.2FT001				
7	000455	35181020887	Nguy Ngọc Trường	18/02/1992	LT23.1NH001				
8	000456	35171020771	Đỗ Hoàng Tuấn	00/ /1989	LT22NH001				
9	000457	35181021015	Ngô Quang Tuấn	03/06/1993	LT23.1NH001				
10	000458	35181020633	Phạm Thị Kim Tuyên	20/08/1993	LT23.1KN001				
11	000459	35191020150	Đỗ Nguyễn Thanh Tuyên	07/12/1996	LT24.1FT01				
12	000460	35181025533	Huỳnh Ngọc Kim Tuyên	22/11/1995	LT23.2AD001				
13	000461	35191020035	Huỳnh Thanh Tuyên	30/04/1996	LT24.1AD01				
14	000462	35181020480	Lê Bích Tuyên	20/01/1995	LT23.1KN001				
15	000463	35191020304	Lê Thị Bích Tuyên	20/06/1997	LT24.1KN02				
16	000464	35191020509	Nguyễn Đoàn Tuyên	27/02/1997	LT24.1FT01				
17	000465	35181020339	Nguyễn Ngọc Minh Tuyên	31/01/1996	LT23.1FT002				
18	000466	35181025249	Nguyễn Thị Mộng Tuyên	11/09/1997	LT23.2FN001				
19	000467	35181020777	Chu Thị Ánh Tuyết	07/12/1996	LT23.1KN001				
20	000468	35181020040	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	11/08/1994	LT23.1AD005				
21	000469	35191020217	Nguyễn Thị Xuân Tuyết	25/10/1996	LT24.1KN01				
22	000470	35191025451	Phạm Thị Tuyết	20/03/1993	LT24.2FT03				
23	000471	35191020508	Trần Thị Ngọc Tuyết	30/10/1996	LT24.1FT01				
24	000472	35181025517	Cao Thị Tùng	23/11/1991	LT23.2KN001				
25	000473	35191025003	Lương Thanh Tùng	06/01/1991	LT24.1FT01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-706 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000474	35181025121	Bùi Thị Ngọc Tú	10/04/1992	LT23.2FT001				
2	000475	35191022011	Hoàng Tú	16/02/1998	LT24.2KN01				
3	000476	35191025480	Đặng Nguyễn Hồng Uyên	01/05/1998	LT24.2FT03				
4	000477	35181020847	Lê Huỳnh Thảo Uyên	26/07/1996	LT23.1KN002				
5	000478	35191025218	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	13/04/1998	LT24.2KN03				
6	000479	35181025137	Nguyễn Thái Hồng Uyên	25/06/1989	LT23.2KN001				
7	000480	35181020882	Nguyễn Thị Phương Uyên	09/04/1996	LT23.1KN004				
8	000481	35191025157	Võ Thị Thảo Uyên	06/02/1997	LT24.2FT02				
9	000482	35181020844	Cam Thị Ngọc Vân	27/04/1995	LT23.1FN001				
10	000483	35181021126	Lê Thị Tường Vân	01/09/1994	LT23.1FN002				
11	000484	35181021321	Nguyễn Thị Kim Vân	06/10/1990	LT23.1KN003				
12	000485	35191025356	Từ Thị Kiều Vân	15/12/1993	LT24.2FT01				
13	000486	35181020762	Trần Thị Vẹn	19/04/1996	LT23.1NH001				
14	000487	35181020108	Đặng Thị Yến Vi	07/04/1991	LT23.1AD005				
15	000488	35181025316	Nguyễn Thị Tường Vi	05/03/1997	LT23.2KN002				
16	000489	35191025502	Nguyễn Thị Tường Vi	26/03/1993	LT24.2AD02				
17	000490	35181025064	Nguyễn Bùi Diễm Viên	28/04/1994	LT23.2KN002				
18	000491	35181025512	Phạm Thị Như Viên	08/02/1994	LT23.2KN001				
19	000492	35191020279	Nguyễn Bảo Việt	06/10/1997	LT24.1FT01				
20	000493	35181020502	Nguyễn Thị Vinh	04/06/1994	LT23.1KN001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 22/11/2020 - **Phòng Thi:** B1-707 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000494	35191020178	Bạch Xuân	Vui	24/11/1997	LT24.1FT01				
2	000495	35181025362	Nguyễn Thị	Vui	01/09/1997	LT23.2FN001				
3	000496	35191020427	Trần Anh	Vũ	20/03/1986	LT24.1KN01				
4	000497	35201020521	Đào Quốc	Vương	15/12/1998	LT25.1AD01				
5	000498	35181025553	Nguyễn Thành	Vương	02/07/1994	LT23.2AD001				
6	000499	35191020172	Lê Ngọc Khánh	Vy	16/01/1996	LT24.1FT01				
7	000500	35191020446	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	25/09/1997	LT24.1FT01				
8	000501	35191022038	Nguyễn Thị Tường	Vy	11/06/1995	LT24.2AD02				
9	000502	35191025398	Ngô Giáng Hương	Xuân	11/04/1997	LT24.2FT02				
10	000503	35181021113	Nguyễn Thành	Xuân	05/09/1992	LT23.1AD004				
11	000504	35181025235	Nguyễn Thị	Xuân	16/08/1995	LT23.2KN001				
12	000505	35191020058	Trương Thị Kim	Xuân	17/11/1997	LT24.1FT01				
13	000506	35191020375	Nguyễn Thị Hà	Xuyên	30/07/1994	LT24.1AD01				
14	000507	35181025034	Nguyễn Thị Kim	Yên	16/01/1997	LT23.2AD001				
15	000508	35181021002	Lê Bạch	Yên	14/06/1992	LT23.1FN002				
16	000509	35181025101	Nguyễn Hồng	Yên	05/02/1994	LT23.2FT001				
17	000510	35171021225	Nguyễn Thị Hải	Yên	01/09/1995	LT22KN005				
18	000511	35181025307	Nguyễn Thị Minh	Yên	01/02/1989	LT23.2KN002				
19	000512	35191025137	Phan Thị Hải	Yên	03/04/1998	LT24.2KN03				
20	000513	35171021203	Trương Thị Kim	Yên	25/06/1995	LT22KN004				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh